

**UBND TỈNH AN GIANG
SỔ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34 /STC-THQH

An Giang, ngày 04 tháng 7 năm 2025

V/v hướng dẫn đánh giá thực
hiện Kế hoạch phát triển KT-XH
năm 2025 và xây dựng Kế hoạch
phát triển KT-XH năm 2026 cấp
tỉnh và cấp xã.

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khu vực XV;
- Bảo hiểm xã hội khu vực XXXIV;
- Thuế tỉnh An Giang;
- Thống kê tỉnh An Giang.
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu.

Thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 28/5/2025 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; Công văn số 8597/BTC-TH ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn đánh giá thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026,

Thực hiện Công văn số 782/UBND-TH ngày 28/5/2025 của UBND tỉnh An Giang và Công văn số 1602/UBND-TH ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc tổ chức đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025, dự kiến kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 sau khi sáp nhập 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang) thành tỉnh An Giang, Sở Tài chính hướng dẫn các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu và các đơn vị có liên quan như sau:

**I. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025****1. Đối với cấp tỉnh:**

a) Căn cứ đánh giá: Trên cơ sở tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2025, các cơ quan, đơn vị đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 theo các nhiệm vụ được giao tại: Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025 và năm 2025; Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số



01/NQ-CP ngày 08/01/2025, Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 31/5/2025 và các Nghị quyết khác của Chính phủ.

b) Nội dung đánh giá: Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu được giao tại Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 (có so sánh với năm 2024, khả năng hoàn thành mục tiêu cả năm 2025 và mục tiêu kế hoạch 5 năm 2021-2025); phân tích, đánh giá những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (chủ quan, khách quan); rút ra bài học kinh nghiệm; đề xuất, kiến nghị các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng cuối năm 2025, để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và 5 năm 2021-2025 đề ra.

c) Về thời điểm và phạm vi đánh giá:

- Các cơ quan, đơn vị đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 theo 02 giai đoạn:

+ Giai đoạn trước sáp nhập (từ 01/01/2025 đến 30/6/2025): Thực hiện đánh giá riêng của các đơn vị.

+ Giai đoạn sau sáp nhập (từ 01/7/2025 đến 31/12/2025): Thực hiện đánh giá theo địa bàn hành chính và hệ thống chính quyền mới của tỉnh An Giang sau sáp nhập.

Sau khi tổng hợp số liệu ước thực hiện cả năm 2025, các cơ quan, đơn vị thực hiện hợp nhất kết quả của 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang), để tổng hợp số liệu chung tỉnh An Giang sau sáp nhập, để bảo đảm tính thống nhất và phân tích, đánh giá đúng thực trạng và kết quả thực hiện theo đơn vị hành chính mới.

2. Đối với cấp xã (xã, phường, đặc khu)

a) Căn cứ đánh giá: Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 trên địa bàn đơn vị hành chính mới, trên cơ sở kế thừa đầy đủ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, số liệu và kết quả thực hiện đã được đơn vị hành chính trước khi sáp nhập bàn giao trước thời điểm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp (trước 01/7/2025).

b) Nội dung đánh giá: Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 trên địa bàn đơn vị hành chính mới; phân tích, đánh giá những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân (chủ quan, khách quan); bài học kinh nghiệm; đề ra các chỉ tiêu chủ yếu, các giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong những tháng cuối năm 2025.

c) Về thời điểm và phạm vi đánh giá:

- Các địa phương đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 theo 02 giai đoạn:

+ Đối với 6 tháng đầu năm 2025 (trước sáp nhập): Đánh giá dựa trên số liệu và kết quả do các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện, bàn giao và kết quả thực hiện của các xã, phường, thị trấn trước khi sáp nhập.

+ Đối với 6 tháng cuối năm 2025 (sau sáp nhập): Đánh giá theo phạm vi địa giới và đơn vị hành chính mới, do UBND xã, phường, đặc khu trực tiếp thực hiện và tổng hợp.

Đối với nội dung báo cáo ước thực hiện cả năm 2025, yêu cầu các địa phương hợp nhất đầy đủ số liệu 02 giai đoạn trên, bảo đảm thống nhất, đồng bộ về số liệu, để phân tích, đánh giá kết quả thực hiện theo địa giới hành chính và hệ thống tổ chức mới.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT- XH NĂM 2026

Năm 2026 là năm đầu tiên tỉnh An Giang chính thức vận hành bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp, sau khi sáp nhập từ 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang). Đây là giai đoạn có ý nghĩa quan trọng trong việc định hình mô hình quản lý mới, bảo đảm sự chuyển tiếp ổn định, đồng thời tạo nền tảng cho việc thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm 2026-2030. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 cần được các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện nghiêm túc, có cơ sở, phản ánh đúng thực tiễn, phù hợp với định hướng phát triển chung và điều kiện mới của tỉnh.

1. Đối với cấp tỉnh

a) *Căn cứ xây dựng:* Việc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 cần căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 sau khi hợp nhất số liệu của 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang); bám sát dự báo tình hình kinh tế - chính trị thế giới, trong nước và vùng Đồng bằng sông Cửu Long năm 2026. Đồng thời, quán triệt đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, cùng với định hướng phát triển của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và chỉ đạo điều hành của Chủ tịch UBND tỉnh về kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 và giai đoạn 2026-2030. Đặc biệt, cần lưu ý đến những đặc điểm, điều kiện mới của tỉnh An Giang sau sáp nhập về địa lý, dân cư, cơ cấu ngành, tổ chức bộ máy,...

b) *Nội dung đề xuất:*

- Xác định mục tiêu phát triển (Mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể).
- Đề xuất hệ thống các chỉ tiêu phát triển.

Sở Tài chính đã xây dựng hệ thống biểu mẫu tổng hợp các chỉ tiêu dự kiến thực hiện trên địa bàn tỉnh (*Phụ lục I áp dụng cho cấp tỉnh*). Trên cơ sở biểu mẫu này, đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành và lĩnh vực phụ trách, chủ động rà soát, bổ sung những chỉ tiêu của ngành, nhằm đảm bảo tính khả thi, thực tiễn và có cơ sở tính toán rõ ràng.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.
- Đề xuất các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trọng tâm dự kiến triển khai năm 2026.

2. Đối với cấp xã (xã, phường, đặc khu)

a) *Căn cứ xây dựng*: Việc xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 cần căn cứ vào kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 sau khi hợp nhất số liệu của các địa phương; bám sát định hướng phát triển của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, UBND tỉnh, Hội đồng nhân dân và UBND các xã, phường, đặc khu về kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 và giai đoạn 2026-2030. Đặc biệt, cần lưu ý đến những đặc điểm, điều kiện mới của xã, phường, đặc khu về cơ cấu tổ chức, quy mô, địa bàn ...

b) *Nội dung đề xuất*:

- Xác định mục tiêu phát triển (mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể).
- Đề xuất hệ thống các chỉ tiêu phát triển.

Sở Tài chính đã xây dựng hệ thống biểu mẫu tổng hợp các chỉ tiêu dự kiến thực hiện, áp dụng cho cấp xã (*Phụ lục II áp dụng cho cấp xã*). Trên cơ sở biểu mẫu này, đề nghị UBND các xã, phường, đặc khu chủ động rà soát, bổ sung những chỉ tiêu của địa phương, nhằm đảm bảo tính khả thi, thực tiễn và có cơ sở tính toán rõ ràng.

- Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện.
- Đề xuất các danh mục dự án, chương trình trọng điểm dự kiến triển khai năm 2026.

III. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH 5 NĂM 2021-2025

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tiến hành đánh giá khả năng hoàn thành các mục tiêu chủ yếu đề ra tại Kế hoạch phát triển KT- XH 5 năm 2021-2025, trong đó, cần lưu ý:

Trên cơ sở số liệu thực hiện giai đoạn 2021-2024 và ước thực hiện cả năm 2025 phải được tổng hợp trên cơ sở hợp nhất số liệu của 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang), nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ về số liệu để so sánh.

Các chỉ tiêu, mục tiêu trong Nghị quyết về phát triển KT-XH 5 năm 2021-2025 của 02 tỉnh (Kiên Giang và An Giang) cần được tổng hợp, hợp nhất thành hệ thống chỉ tiêu chung của tỉnh An Giang sau sáp nhập. Mục tiêu thống nhất này làm căn cứ đánh giá kết quả phát triển KT-XH năm 2025 và mức độ hoàn thành kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập.

IV. THỜI GIAN GỬI BÁO CÁO

Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, chính xác trong việc hợp nhất số liệu và tính toán chỉ tiêu chung của tỉnh An Giang sau sáp nhập, Sở Tài chính đề nghị các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường, đặc khu cụ thể như sau:

1. Đối với cấp tỉnh

a) *Thống kê tỉnh An Giang*: Chủ trì, hướng dẫn các phương pháp hợp nhất số liệu và tính toán số liệu thống kê sau sáp nhập, đặc biệt là chỉ tiêu GRDP, cơ cấu kinh tế, dân số,...Phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành tỉnh rà soát, tính toán và cung cấp số liệu do Cục Thống kê công bố, để ước tính tăng trưởng GRDP năm 2025, trong đó: làm rõ số liệu chi tiết từng ngành trong 03 khu vực, nhằm phục vụ cho công tác xây dựng kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026; số liệu gửi Sở Tài chính **trước ngày 08/7/2025**.

b). *Các sở, ban, ngành tỉnh*: Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025 và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 (theo Đề cương và phụ lục I đính kèm), hoàn thành gửi về phòng Tổng hợp, Quy hoạch - Sở Tài chính, để tổng hợp **trước ngày 10/7/2025**.

2. Đối với cấp xã (xã, phường, đặc khu)

a) *Thống kê tỉnh An Giang*: Chủ trì, hướng dẫn Thống kê cơ sở về phương pháp hợp nhất số liệu và tính toán số liệu thống kê sau sáp nhập, đặc biệt là 08 chỉ tiêu chung. Đồng thời, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh rà soát số liệu, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ sau khi sáp nhập.

b) *UBND các xã, phường, đặc khu*: Khẩn trương hoàn thành Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển KT- XH năm 2025 và dự kiến



Kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 (theo Đề cương và phụ lục II đính kèm), hoàn thành gửi về phòng Tổng hợp Quy hoạch - Sở Tài chính, để tổng hợp **trước ngày 15/7/2025**.

Rất mong các cơ quan, đơn vị và địa phương khẩn trương phối hợp triển khai đầy đủ, đồng bộ, đúng nội dung theo hướng dẫn; chủ động xây dựng, hoàn thiện báo cáo đảm bảo chất lượng, đúng thời hạn, để phục vụ công tác tổng hợp, tham mưu chung của tỉnh đạt hiệu quả cao nhất. /

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Như kính gửi;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, THQH, nnkloan.



Đinh Văn Bảo



PHỤ LỤC I
BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 TỈNH AN GIANG

[illegible]

BIỂU 4. VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TOÀN XÃ HỘI (Theo giá hiện hành)

[illegible]

[illegible]

[illegible]

BIỂU 7. XÃ HỘI

STT		Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024						Năm 2025						Dự kiến năm 2026				5 năm 2021-2025		
				Tổng hợp chung An Giang mới						Kien Giang		An Giang		An Giang mới		An Giang mới						
				Tổng hợp chung An Giang mới	Kien Giang	An Giang	Tổng hợp chung An Giang mới	Ké hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ước TH cả năm	Ké hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ké hoạch	TH 6 tháng đầu năm	Ké hoạch	So với kế hoạch 2025 (%)	So với nước thực hiện 2025 (%)	Ké hoạch	Ước thực hiện 5 năm	So với giải ngân 2016-2020		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19				
1	DÂN SỐ																					
1	Dân số trung bình :	Người																				
	- Dân số thành thị	"																				
	- Dân số nông thôn	"																				
2	Tỷ lệ phát triển dân số	%																				
3	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	‰																				
4	Tuổi thọ trung bình	Tuổi																				
5	Tỷ số giới tính khi sinh	Bé trai/100 bé gái																				
II	GIAO DỤC																					
1	Tỷ lệ huy động sơ độ tuổi																					
	- Nhà trẻ	%																				
	- Mẫu giáo	%																				
	- Tiểu học	%																				
	- Trung học cơ sở	%																				
	- Trung học phổ thông	%																				
2	Tỷ lệ trường đại chuẩn quốc gia																					
	- Mẫu giáo	%																				
	- Tiểu học	%																				
	- Trung học cơ sở	%																				
	- Trung học phổ thông	%																				
3	Học sinh (mầm non + phổ thông)																					
3.1	Học sinh mầm non	Học sinh																				
	- Nhà trẻ	Học sinh																				
	- Mẫu giáo	Học sinh																				
3.2	Học sinh phổ thông	Học sinh																				
	- Tiểu học	Học sinh																				
	- Trung học cơ sở	Học sinh																				
	- Trung học phổ thông	Học sinh																				
	- Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh	Học sinh																				
	Trong đó: Số HS được duy lương nghiệp	Học sinh																				
4	Chất lượng giáo dục	"																				
4.1	Tỷ lệ học sinh lưu ban																					
	- Tiểu học	%																				
	- Trung học cơ sở	%																				
	- Trung học phổ thông	%																				
	- Toàn hệ giáo dục phổ thông	%																				
4.2	Tỷ lệ tén lóp hay tốt nghiệp																					
	- Tiểu học	%																				
	- Trung học cơ sở	%																				
	- Trung học phổ thông	%																				
	- Toàn hệ giáo dục phổ thông	%																				
4.3	Tỷ lệ học sinh bỏ học																					
	- Tiểu học	%																				

[illegible]

[illegible]

BIỂU 8. CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

[illegible]



ĐỀ CƯƠNG
BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026
(áp dụng cho cấp tỉnh và cấp xã)

(Kèm theo Công văn số 34 /STC-THQH ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Sở Tài chính)

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025			
I	BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
II	TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH NĂM 2025	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
1	Ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
2	Đánh giá các kết quả thực hiện kế hoạch phát triển KT-XH năm 2025	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
2.1	<i>Tăng cường năng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; tập trung cải thiện, đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định kinh doanh, tháo gỡ các điểm nghẽn, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp</i>		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Tình hình triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, tăng cường công tác truyền thông, hướng dẫn thực hiện pháp luật; tập trung chỉ đạo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trên địa bàn để sửa đổi, thay thế phù hợp với thực tiễn và đúng quy định pháp luật.	Sở Tư pháp	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Triển khai Đề án “Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật” theo Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, tập trung xây dựng, vận hành “Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật”.	Sở Tư pháp	
-	Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026; phấn đấu trong năm 2025, giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính; giảm ít nhất 30% chi phí kinh doanh (<i>chi phí tuân thủ</i>); bãi bỏ ít nhất 30% điều kiện kinh doanh không cần thiết; thực hiện các thủ tục liên quan đến doanh nghiệp trên môi trường điện tử, bảo đảm thông suốt, liên mạch, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	
2.2	<i>Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ sản xuất kinh doanh đồng thời giữ vững ổn định nền kinh tế, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế</i>		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Điều hành tăng trưởng tín dụng phù hợp, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng truyền thống như tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu, các chương trình tín dụng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực XV	
-	Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp vượt khó, thúc đẩy nhanh tiến trình phục hồi và phát triển sản xuất thông qua các chính sách hỗ trợ về tài khóa, tiền tệ; tăng khả năng tiếp cận tín dụng, đất đai, mở rộng thị trường, đa dạng sản phẩm, chuỗi cung ứng theo chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết của Quốc hội về phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực XV	
-	Có giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt, kịp thời khắc phục các khó khăn, hạn chế để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025, đặc biệt là các dự án trọng điểm và các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường phân cấp, phân quyền và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; thu hồi các dự án không triển khai theo kế	Sở Tài chính	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
	hoạch phê duyệt, kiên quyết cắt giảm, loại bỏ những dự án không thật sự cần thiết, không hiệu quả, trong đó ưu tiên bố trí nguồn lực của ngân sách nhà nước thực hiện các công trình kết nối các tỉnh, kết nối vùng.		
-	Tăng cường quản lý chặt chẽ thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời; triệt để tiết kiệm chi, nhất là chi thường xuyên để dành tăng thêm cho chi đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược.	Sở Tài chính; Thuế tỉnh	
-	Phát triển mạnh thị trường trong nước, thúc đẩy xuất khẩu, tiếp tục giảm chi phí logistics thông qua hoàn thiện hạ tầng chiến lược.	Sở Công Thương	
-	Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hoá chuỗi cung ứng, chuỗi sản xuất và thị trường xuất, nhập khẩu gắn với nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia sâu, rộng hơn vào các chuỗi cung ứng khu vực; khai thác hiệu quả các thị trường mới, thị trường Halal, Mỹ La-tinh, châu Phi.	Sở Công Thương	
-	Thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại, gian lận xuất xứ.	Sở Công Thương	
-	Tình hình phát triển thương mại dịch vụ, logistics, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ.	Sở Công Thương	
2.3	<i>Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy; tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; đẩy mạnh hơn nữa công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và phân bổ nguồn lực, nâng cao năng lực thực thi</i>		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Thực hiện nghiêm các Quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh công tác giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra, nhất là các kết luận thanh tra đối với các vụ việc thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương theo dõi, chỉ đạo.	Thanh tra tỉnh	
-	Thực hiện quyết liệt, có hiệu quả chủ trương tình giảm, sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo Kết luận số 126-KL/TW ngày 14 tháng 02 năm 2025, Kết luận 127-KL/TW ngày 28 tháng 02 năm 2025. Hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đảm bảo đi vào hoạt động thông suốt theo đúng tiến độ, chất lượng. Tham mưu UBND tỉnh công tác vận hành thử nghiệm bộ máy cấp xã mới theo hướng dẫn của Trung ương; nghiên	Sở Nội vụ	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
	cứu, đề xuất về công tác phân quyền các đầu công việc quản lý nhà nước về chính quyền cấp xã.		
-	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số, tập trung số hoá toàn diện hoạt động quản lý nhà nước, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số; tích cực thực hiện Đề án 06, xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, nền tảng số kết nối và chia sẻ dữ liệu thông tin sớm đưa vào vận hành và kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia.	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	
-	Thực hiện tốt các chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang trong quá trình thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị.	Sở Nội vụ	
2.4	<i>Tập trung các nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, ưu tiên công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, các dự án có tính liên vùng và hạ tầng đô thị lớn, hạ tầng chuyển đổi số</i>		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương; phân công thực hiện báo cáo
-	Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các công trình hạ tầng trọng điểm, kết nối liên vùng, nhất là các dự án đang triển khai và dự kiến hoàn thành trong năm 2025; khởi công các dự án mới theo kế hoạch năm. Đẩy nhanh tiến độ các hạng mục, dự án công trình cấp thiết để phục vụ cho tuần lễ cấp cao APEC 2027; nghiên cứu, đề xuất xây dựng các tuyến đường kết nối An Giang - Kiên Giang... Phối hợp với Bộ Xây dựng đầu tư hoàn thành các dự án qua địa bàn, mở rộng không gian phát triển mới, phục vụ liên kết vùng	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	
-	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh; trong đó, khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 để thực hiện ngay trong năm 2025.	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện các dự án hạ tầng quy mô lớn, đặc biệt là trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; bảo đảm nguồn cung nguyên vật liệu xây dựng để đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng các dự án trọng điểm.	Sở Tài chính, Sở Xây dựng	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch thực hiện điều chỉnh Quy hoạch điện VIII; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trong việc đầu tư phát triển mạng lưới cấp điện; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển năng lượng tái tạo theo quy hoạch	Sở Công thương	
-	Phát triển hạ tầng số, hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số và nền tảng số, ứng dụng số tạo động lực phát triển kinh tế số.	Sở Khoa học và Công nghệ	
-	Chủ trương phát triển hạ tầng văn hoá, thể thao, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu. Ưu tiên sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi, đê, kè bị hư hại, có nguy cơ mất an toàn; tiếp tục đầu tư hạ tầng thủy sản, thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, hạ tầng giống cây trồng – vật nuôi, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn, bảo đảm người dân được sử dụng nước sạch đầy đủ.	Các sở: Nông nghiệp và Môi trường; Y tế; Văn hóa và Thể thao; Giáo Dục và Đào tạo; Tài chính; Xây dựng; Ban Quản lý dự án đầu tư Xây dựng-Giao thông; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và	
-	Tập trung đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khu vực và hạ tầng xã hội thiết yếu theo hướng hiện đại, thông minh, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển không gian công cộng, xây dựng thành phố xanh, thông minh, tích hợp hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung; tăng cường khai thác, sử dụng hiệu quả không gian ngầm tại các đô thị lớn	Sở Xây dựng	
2.5	<i>Tập trung thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế</i>		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
a)	Cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực và trong nội ngành gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, tính tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế.		
-	Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp; Ưu tiên phát triển, ứng dụng công nghệ mới, phát triển công nghiệp hỗ trợ. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm xanh, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường, phát thải các-bon thấp. Triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển ngành công nghiệp bán dẫn.	Sở Công Thương	
-	Đẩy mạnh tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển theo hướng ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và nông nghiệp sạch; nâng cao giá trị, hiệu quả gắn sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh thực hiện Đề án một triệu héc ta chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh; Xây dựng các vùng chuyên canh, các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo các ngành hàng chủ lực của tỉnh; tăng cường công tác quản lý vùng trồng để xuất khẩu và mở rộng thị trường nông sản; Khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, ứng dụng công nghệ cao. Đẩy mạnh tái cơ cấu ngành thủy sản phù hợp ổn định giữa khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản. Đánh giá công tác thực hiện gỡ thẻ vàng IUU.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	- Cơ cấu lại một số ngành, lĩnh vực dịch vụ quan trọng như du lịch, thương mại,... Phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh. Đẩy mạnh xuất khẩu. - Phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu quả, bền vững. - Thúc đẩy mở rộng mạng lưới các tuyến vận tải biển. Nghiên cứu phát triển vận tải đa phương thức, dịch vụ logistics gắn với ứng dụng khoa học công nghệ, giảm chi phí logistics.	Sở Công thương, Sở Du lịch, Sở Xây dựng	
b)	Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước; khẩn trương thực hiện Kết luận số 93-KL/TW ngày 06/9/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới cơ chế phân cấp ngân sách nhà nước theo hướng tăng cường tính chủ đạo của ngân sách trung ương và nâng cao tính chủ động, tích cực, linh hoạt, sáng tạo của ngân sách địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan, nhất là cho đầu tư phát triển.	Sở Tài chính; Thuế tỉnh	
c)	Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung vốn vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các công trình, dự án trọng điểm, liên kết vùng, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Kiên quyết không đầu tư dàn trải, xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 –	Sở Tài chính	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
	2030; tạo đột phá thu hút nguồn vốn khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công tư (PPP)		
	Đổi mới công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo hướng tăng cường hậu kiểm, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”, công khai, minh bạch thông tin; tăng cường giám sát, thanh, kiểm tra, phòng, chống tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong đầu tư công. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giám sát, đánh giá đầu tư. Nâng cao chất lượng chuẩn bị đầu tư các dự án cho giai đoạn 2026-2030, nhất là các dự án hạ tầng trọng điểm có tính chiến lược.		
d)	Triển khai Kế hoạch cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025; nâng cao hiệu quả giám sát hoạt động của các tổ chức tín dụng, nhất là các tổ chức tín dụng yếu kém. Đẩy mạnh xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu mới phát sinh. Triển khai các giải pháp chuyển đổi số hoạt động ngân hàng, đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật trong hoạt động ngân hàng.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Khu vực XV	
đ)	Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025. Nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước; định hướng vai trò của các doanh nghiệp nhà nước tập trung đầu tư vào các dự án lớn, trọng điểm, có sức lan tỏa cao.	Sở Tài chính	
e)	Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 138/NQ-CP năm 2025 về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Hỗ trợ phát triển nhanh các doanh nghiệp lớn và vừa, các tập đoàn kinh tế tư nhân; hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh; triển khai hiệu quả cơ chế “đặt hàng” của nhà nước với doanh nghiệp; tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI, thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng khu vực và toàn cầu.	Sở Tài chính	
2.6	Tiếp tục phát triển, đổi mới giáo dục; chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phong trào khởi nghiệp, sáng tạo		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
	- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học; thúc đẩy giáo dục STEM trong giáo dục phổ thông đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với phát triển và ứng dụng công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. - Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, khắc phục tình trạng thiếu giáo viên, nhất là tại địa bàn vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. - Tăng cường cơ sở vật chất bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh xây dựng xã hội học tập; bảo đảm công bằng, bình đẳng trong cơ hội tiếp cận giáo dục của người dân; thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; xây dựng văn hóa học đường, ngăn chặn có hiệu quả bạo lực học đường. - Triển khai kết luận của Bộ Chính trị về thực hiện miễn toàn bộ học phí cho học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông công lập trên toàn quốc từ năm học 2025-2026; nghiên cứu đề án xây dựng các trường nội trú cho học sinh phổ thông ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Thực hiện các giải pháp đột phá phát triển và đổi mới giáo dục nghề nghiệp; tạo chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, cơ cấu, chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp.	Sở Giáo dục và Đào tạo	
-	Chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo chuẩn quốc tế để đáp ứng nhu cầu của thị trường; Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đảm bảo tài chính cho giáo dục và đào tạo; Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, hỗ trợ đầu tư các cơ sở đào tạo trọng điểm, khuyến khích đại học chuyển giao dự án khởi nghiệp cho địa phương.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính	
-	- Tổ chức triển khai quyết liệt, đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	- Cù thể hóa các chính sách thí điểm môi, đổi phá về đầu tư, tài chính, đầu thầu, thử nghiệm có kiểm soát; khuyến khích và phát huy hiệu quả các quỹ khoa học công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút chuyên gia, trí thức trong và ngoài nước tham gia phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tại tỉnh.		
-	Đẩy mạnh chuyển đổi số sâu rộng, toàn diện, bút phá, phát triển thể chế số thông thoáng, hạ tầng số hiện đại, nền kinh tế số rộng khắp, nhân lực số chất lượng cao, bảo đảm an ninh, an toàn mạng.	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Sở Nội vụ	
2.7	Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo đảm gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.	Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Tập trung chuẩn bị và tổ chức tốt các hoạt động, kỷ niệm các ngày lễ lớn, sự kiện quan trọng của tỉnh, của đất nước.	Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.	Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Tiếp tục thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31 tháng 01 năm 2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới. Chuẩn bị lực lượng vận động viên, huấn luyện viên tham dự các đại hội thể thao khu vực.	Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Công tác người có công với cách mạng.	Sở Nội vụ	
-	Công tác triển khai thực hiện xóa nhà tạm, nhà dột nát.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội, an sinh xã hội; tổ chức cứu trợ đột xuất khi có thiên tai, dịch bệnh.	Sở Y tế, Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Công tác giảm nghèo bền vững.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.	Bảo hiểm xã hội khu vực XXXIV	
-	Phát triển thị trường lao động, tăng cường kết nối cung - cầu lao động.	Sở Nội vụ	
-	Triển khai thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới. Phát triển nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; tập trung triển khai Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030”.	Sở Xây dựng	
-	Triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (tổ chức triển khai, kết quả đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, khó khăn, hạn chế, nguyên nhân, phương hướng, giải pháp,...).	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Dân tộc và Tôn giáo	
-	- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, phụ nữ, trẻ em. Đào đảm cung ứng đủ thuốc, vắc-xin, thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập. - Thực hiện lộ trình tinh chi phi quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.	Sở Y tế	
-	- Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh ở tất cả các tuyến; nâng cao tỷ lệ hài lòng của người dân. Tập trung mở rộng hoạt động khám, chữa bệnh từ xa, ngay từ cơ sở, tăng cường chỉ đạo, chuyển giao kỹ thuật, kịp thời hỗ trợ cho các cơ sở y tế tuyến dưới. Nghiên cứu, đề xuất chính sách đãi ngộ phù hợp cho đội ngũ y tế.		
-	Triển khai hiệu quả Kết luận số 83-KL/TW ngày 21/6/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội về cải cách chính sách tiền lương.	Sở Nội vụ	
-	Công tác trẻ em, thanh niên, bình đẳng giới.	Sở Nội vụ	

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng	Sở Dân tộc và tôn giáo	
2.8	Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Tập trung thực hiện Kết luận số 81-KL/TW ngày 04 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	tổ chức kiểm kê khí nhà kính, giám sát thích ứng biến đổi khí hậu, lồng ghép kịch bản biến đổi khí hậu vào các chương trình, dự án phát triển vùng biển, ven biển.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn hồ đập và ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Chủ động phòng, chống hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn do tác động của hiện tượng El Nino. Thực hiện các dự án trọng điểm về ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, nhất là hạn hán, xâm nhập mặn, sạt lún, sạt lở bờ sông, bờ biển, sạt lở đất	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Đẩy mạnh phát triển bền vững kinh tế biển tỉnh Kiên Giang.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
-	Tăng cường phối hợp cấp nhật dự báo khí tượng thủy văn, nâng cao năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo, nhất là thiên tai liên quan đến bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, ...	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
2.9	Tăng cường liên kết vùng, thực hiện hiệu quả quy hoạch tỉnh; đẩy nhanh tốc độ, nâng cao chất lượng đô thị hoá và kinh tế đô thị		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Tình hình thực hiện các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch liên quan trong bối cảnh thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; chuẩn bị phương án điều chỉnh quy hoạch để tránh khoảng trống pháp lý khi việc sắp xếp tỉnh hoàn thành.	Sở Tài chính	
-	Phát triển đô thị	Sở Xây dựng	
2.10	Tăng cường, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Chủ động nghiên cứu, nắm chắc, đánh giá, dự báo đúng tình hình, kịp thời tham mưu, xử lý thắng lợi các tình huống, không để bị động bất ngờ. Thực hiện tốt công tác huấn luyện, diễn tập, nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu và sự phối hợp giữa các lực lượng trong xử lý các tình huống phức tạp về quốc phòng, an ninh.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh	
-	Bảo vệ tuyệt đối an ninh, an toàn các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh, nhất là trong thời gian thực hiện công tác sắp xếp bộ máy và chính quyền địa phương 02 cấp, Đại hội Đảng bộ các cấp ...	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh	
-	Đẩy mạnh công tác phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh với các loại tội phạm, tệ nạn xã hội, nhất là đấu tranh phòng, chống tội phạm lừa đảo trên không gian mạng, trấn áp các loại tội phạm và tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, Công an tỉnh	
2.11	Đẩy mạnh triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế; giữ vững quốc phòng, an ninh, ổn định và tạo điều kiện thuận lợi, thu hút các nguồn lực để phục vụ phát triển tỉnh		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.	Sở Du lịch	
-	Duy trì và củng cố mối quan hệ hợp tác hữu nghị với các đối tác đã thiết lập quan hệ cấp địa phương; tranh thủ các quan hệ chính trị đối ngoại để thúc đẩy mở rộng sang lĩnh vực mới, đổi mới môi trường khu vực và thế giới; chuẩn bị chu đáo các điều kiện để phối hợp dâng cai Tuần lễ Cấp cao APEC năm 2027 và các sự kiện liên quan tổ chức tại thành phố Phú Quốc	Sở Du lịch	
-	Đẩy mạnh đối ngoại biên giới, củng cố mối quan hệ với các tỉnh giáp biên của Campuchia; đẩy nhanh triển khai khu kinh tế cửa khẩu, phát triển kinh tế biên mậu gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh, trật tự trên địa bàn.	Sở Du lịch	
2.12	Chủ động hơn nữa công tác thông tin tuyên truyền, tạo động lực, truyền cảm hứng, khuyến khích đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả công tác dân vận, tạo đồng thuận xã hội		Các xã, phường, đặc khu căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ thực tế của địa phương, phân công thực hiện báo cáo
-	Tập trung thông tin, tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các sự kiện lớn, quan trọng của đất nước và của tỉnh năm 2025	Sở Văn hóa và Thể thao	
-	Tích cực thông tin, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt; bám sát thực tiễn, tăng cường cung cấp thông tin góp phần ổn định dư luận xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa và Thể thao	
3	Hạn chế, khó khăn (đánh giá chi tiết các hạn chế, khó khăn của tất cả các ngành, lĩnh vực theo 12 nhóm nhiệm vụ được phân công tại mục 2 phần II nêu trên)	Các sở, ban ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
4	Nguyên nhân (khách quan và chủ quan)	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
a)	Nguyên nhân của kết quả đạt được (trong đó nêu chi tiết các nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với các kết quả đạt được)		

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
b)	Nguyên nhân của hạn chế, bất cập (trong đó nêu chi tiết nguyên nhân khách quan, chủ quan cụ thể đối với từng hạn chế, khó khăn)		
5	Bài học kinh nghiệm	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
	PHẦN II: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KTXH NĂM 2026	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
I	Bối cảnh kế hoạch phát triển KT-XH năm 2026 , bao gồm nhận định, phân tích và dự báo những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh trong nước, khu vực và quốc tế tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển KTXH năm 2026	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
II	Mục tiêu tổng quát: Xác định rõ định hướng, mục tiêu phát triển của tỉnh năm 2026 phù hợp giai đoạn mới.	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu
III	Chỉ tiêu chủ yếu	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh đề xuất, báo cáo theo Phụ lục I kèm theo	Các xã, phường, đặc khu đề xuất, báo cáo theo Phụ lục II kèm theo
IV	Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu:		
-	Thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý được giao, chủ động xây dựng phương án, đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2026 đảm bảo	Các xã, phường, đặc khu chủ động đề ra định hướng, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm năm 2026 đảm bảo
-	Tiếp tục tập trung hoàn thiện thể chế phát triển; tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; đảm bảo chỉ cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển; mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển.	thống nhất với mục tiêu chung và phù hợp với tình hình thực tế của	hợp với tình hình thực tế của địa
-	Ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn; cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính		

TT	Nội dung	Cấp tỉnh	Cấp xã
-	Phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, chất lượng cao, trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế	ngành, lĩnh vực phụ trách.	phương sau sắp nhập.
-	Tạo đột phá thực chất trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đảm bảo bố trí chi ngân sách hàng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo yêu cầu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP		
-	Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy nhanh quá trình đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo		
-	Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với đơn vị hành chính mới và thực hiện hiệu quả quy hoạch để khai thác hiệu quả không gian phát triển mới		
-	Phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, ưu tiên hỗ trợ phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương; đẩy mạnh chất lượng công tác y tế; hỗ trợ, khuyến khích, thúc đẩy gia tăng tỷ lệ sinh; công tác thực hiện các chủ trương về an sinh xã hội của Đảng, Chính phủ; tập trung nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và sức khỏe của Nhân dân		
-	Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên; bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai		
-	Củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội		
-	Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế		
V	Đề xuất các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án trọng tâm năm 2026 (bao gồm tên nhiệm vụ, thời gian tính, cấp trình)	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Các xã, phường, đặc khu



PHỤ LỤC II
BIỂU MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2025,
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2026 CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
			TH 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp nhập)	Ước cả năm (hợp nhất 02 giai đoạn)	Các xã, phường, đặc khu	So với ước thực hiện 2025 (%)
					Kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	%				
2	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn	%				
II	CHỈ TIÊU XÃ HỘI					
3	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn	triệu đồng/người				
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%				
5	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%				
6	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%				
III	CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG					
7	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%				
8	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%				
	Địa phương đề xuất thêm các chỉ tiêu khác phù hợp với đặc thù phát triển của đơn vị hành chính cấp xã mới					

BIỂU 2. CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
			TH 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp nhập)	Ước cả năm (bớt nhất 02 giai đoạn)	Các xã, phường, đặc khu	Số với ước thực hiện 2025 (%)
			4	5	6	7
1	2	3				
A	NÔNG - LÂM - THỦY SẢN					
1	Tổng giá trị sản xuất (Theo giá SS2010)	Tỷ đồng				
a.	Nông nghiệp:	Tỷ đồng				
	Trồng trọt	"				
	Chăn nuôi	"				
	Dịch vụ nông nghiệp	"				
b.	Lâm nghiệp:	Tỷ đồng				
c.	Thủy sản:	Tỷ đồng				
	Nuôi trồng	"				
	Khai thác	"				
2	Năng suất, sản lượng một số cây trồng chủ yếu					
2.1	Cây hàng năm					
2.1.1	Lúa cả năm					
	Diện tích	Ha				
	Năng suất	Tấn/ha				
	Sản lượng	Tấn				
*	Lúa vụ Mùa (lúa tôm)					
	Diện tích	Ha				
	Năng suất	Tấn/ha				
	Sản lượng	Tấn				
*	Lúa Đông Xuân					
	Diện tích	Ha				
	Năng suất	Tấn/ha				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026
			TH 6 tháng đầu	Lúc cả năm	
	Sản lượng				
*	Lúa Hè Thu				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Lúa Thu Đông				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
2.1.2	Hoa màu (tùy theo từng địa phương tự đề xuất)				
	Diện tích				
	Sản lượng	Ha			
*	Ngô				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Khoai ngọt				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Khoai mì				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Khoai lang				
	Diện tích				
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Cây lấy củ có chất bột khác(Củ sắn)				
	Diện tích	Ha			

		Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
		TH 6 tháng đầu	Lúc cả năm	Các xã, phường, đặc khu	
TT	Chi tiêu	Đơn vị Tấn/ha			
	Năng suất	Tấn			
	Sản lượng				
*	Dưa hấu				
	Diện tích	Ha			
	Năng suất	Tấn/ha			
	Sản lượng	Tấn			
*	Rau màu khác				
	Diện tích	Ha			
	Năng suất	Tấn/ha			
	Sản lượng	Tấn			
2.2	Cây lâu năm (tùy theo từng địa phương tự đề xuất)				
	Diện tích trồng	Ha			
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Tấn/ha			
	Sản lượng	Tấn			
2.2.1	Cây lấy quả chứa dầu				
	Dừa				
	Diện tích trồng	Ha			
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Tấn/ha			
	Sản lượng	Tấn			
2.2.2	Cây ăn quả				
	Diện tích trồng	Ha			
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Tấn/ha			
	Sản lượng	Tấn			
*	Xoài				
	Diện tích trồng	Ha			
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026
			TH 6 tháng đầu	L ước cả năm	
	Năng suất	Tấn/ha			Các xã, phường, đặc khu
	Sản lượng	Tấn			
*	Chuối				
	Diện tích trồng				
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Khóm/Dứa/Thơm	Tấn			
	Diện tích trồng				
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
*	Sầu riêng	Tấn			
	Diện tích trồng				
	Diện tích đang cho thu hoạch	Ha			
	Năng suất	Ha			
	Sản lượng	Tấn/ha			
3	Sản phẩm chăn nuôi chủ yếu	Tấn			
	Đàn trâu				
	Đàn Bò	Con			
	Đàn heo	Con			
	Đàn gia cầm	Con			
	- Thịt hơi các loại	Con			
	<i>Trong đó: Thịt lợn</i>	Tấn			
4	Lâm nghiệp	Tấn			
	Diện tích rừng trồng mới tập trung				
	Tỷ lệ che phủ rừng	Nghìn ha			
5	Thủy sản	%			

		Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
		TH 6 tháng đầu	Lúc cả năm		
TT	Chi tiêu	Đơn vị			
	Tổng sản lượng khai thác & nuôi trồng	Tấn			
	Sản lượng khai thác	"			
	Sản lượng nuôi trồng	"			
	Một số sản phẩm chủ yếu:				
	Nuôi tôm	"			
	Nuôi cá	"			
	Địa phương đề xuất.....	"			
6	Phát triển nông thôn mới				
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%			
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch	%			
B	CÔNG NGHIỆP				
1	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng			
	Công nghiệp khai khoáng	Tỷ đồng			
	Công nghiệp chế biến, chế tạo	Tỷ đồng			
	Sản xuất truyền tải & phân phối điện, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	Tỷ đồng			
	Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	Tỷ đồng			
2	Một số sản phẩm chủ yếu: (Tùy thực tế tại địa phương)	1000m3			
	- Khai thác đá	Tấn			
	- Cá hộp	Tấn			
	- Thủy sản đông lạnh	Tấn			
	Trong đó: - Tôm đông	Tấn			
	- Mực đông	Tấn			
	- Cá đông	1000 lít			
	- Nước mắm	Tấn			
	- Xây xát gạo	Tấn			
	- Bột cá	1000 cái			
	- Quần áo may sẵn	1000 đôi			
	- Giấy da	1.000 m3			
	- Gỗ xẻ các loại	1.000 m3			
	- Gỗ MDF	1000 cái			
	- Bao bì				

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026
			TH 6 tháng đầu	Lượt cả năm	
	- Xi măng	Tấn			Các xã, phường, đặc khu
	- Clinker	Tấn			
	- Gạch các loại	1000 viên			
	- Điện thương phẩm	1000 kwh			
	- Nước đá	Tấn			
	- Nước máy	1000 m3			
					
C	THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH				
1	Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng			
	Tổng mức bán lẻ hàng hoá	Tỷ đồng			
	Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống	Tỷ đồng			
	Doanh thu dịch vụ lễ hành	Tỷ đồng			
	Doanh thu dịch vụ khác	Tỷ đồng			
2	Du lịch				

BIỂU 3. CÁC CHỈ TIÊU XÃ HỘI

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
			TH 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp nhập)	Ước cả năm (hợp nhất 02 giai đoạn)	Các xã, phường, đặc khu	Số với ước thực hiện 2025 (%)
			4	5	6	7
1	2	3	4	5	6	7
I	DÂN SỐ					
1	Dân số trung bình	Người				
	- Dân số Thành thị	"				
	- Dân số Nông thôn	"				
	* Dân số là dân tộc thiểu số	%				
2	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%				
3	Tỷ số giới tính khi sinh	Bé trai/100 bé gái				
4	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%				
II	LAO ĐỘNG VÀ VIỆC LÀM					
1	Dân số từ 15 tuổi trở lên	Người				
2	Số người không có hoạt động kinh tế	"				
3	Số người có hoạt động kinh tế	"				
4	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	"				
	Trong ngành Nông, Lâm và Ngư nghiệp	"				
	Trong ngành Công nghiệp - Xây dựng	"				
	Trong ngành dịch vụ	"				
5	Số người thất nghiệp	"				
	Tỷ lệ thất nghiệp	%				
6	Tổng số lượt lao động được tạo việc làm	Lượt người				
	Trong tỉnh	"				
	Ngoài tỉnh	"				
	Xuất khẩu lao động	"				

			Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
					Các xã, phường, đặc khu	
7	Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc	%				
8	Tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ trong tổng số lao động được đào tạo	%				
9	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội	%				
10	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp	%				
III GIÀM NGHÈO						
1	Tổng số hộ trên địa bàn	Hộ				
2	Số hộ nghèo	Hộ				
3	Tỷ lệ hộ nghèo	Hộ				
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%				
5	Số hộ cận nghèo	%				
6	Tỷ lệ hộ cận nghèo	Hộ				
7	Số hộ thoát nghèo	%				
8	Số hộ thoát cận nghèo	Hộ				
9	Số hộ tái nghèo	Hộ				
IV CUNG CẤP CÁC DỊCH VỤ CƠ SỞ HẠ TẦNG THIẾT YẾU						
1	Số trạm y tế					
2	Số nhà văn hóa, thư viện	trạm				
3	Số bưu điện văn hoá	nhà				
4	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	bưu điện				
5	Tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch	%				
6	Tỷ lệ đô thị hóa	%				
V	Y TẾ	%				
1	Số bác sĩ/vận dân					
2	Số giường bệnh/vận dân	Bác sỹ				
3	Tỷ lệ tử vong mẹ trên 100.000 trẻ đẻ số	Giường				
4	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	Người				
5	Tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi	%				
6	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo tuổi)	%				

		Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
				Các xã, phường, đặc khu	
7	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%			
VI VĂN HÓA					
	Tỷ lệ đạt chuẩn văn hóa	%			
	Gia đình văn hóa	%			
	Cơ quan, đơn vị, trường học văn hóa	%			
VII GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					
1	Tỷ lệ huy động so độ tuổi				
	- Nhà trẻ	%			
	- Mẫu giáo	%			
	- Tiểu học	%			
	- Trung học cơ sở	%			
	- Trung học phổ thông	%			
2	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%			
	- Mẫu giáo	%			
	- Tiểu học	%			
	- Trung học cơ sở	%			
	- Trung học phổ thông	%			
3	Học sinh (mầm non + phổ thông)	Học sinh			
3.1	Học sinh mầm non	Học sinh			
	- Nhà trẻ	Học sinh			
	- Mẫu giáo	Học sinh			
3.2	Học sinh phổ thông	Học sinh			
	- Tiểu học	Học sinh			
	- Trung học cơ sở	Học sinh			
	- Trung học phổ thông	Học sinh			
4	Chất lượng giáo dục				
4.1	Tỷ lệ học sinh lưu ban				

			Năm 2025		Dự kiến năm 2026	
					Các xã, phường, đặc khu	
	- Tiểu học	%				
	- Trung học cơ sở	%				
	- Trung học phổ thông	%				
4.2	Tỷ lệ lên lớp hay tốt nghiệp	%				
	- Tiểu học					
	- Trung học cơ sở	%				
	- Trung học phổ thông	%				
4.3	Tỷ lệ học sinh bỏ học	%				
	- Tiểu học					
	- Trung học cơ sở	%				
	- Trung học phổ thông	%				

BIỂU 4. CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026		
			TH 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp nhập)	Ước cả năm (hợp nhất 02 giai đoạn)	Các xã, phường, đặc khu		
					Kế hoạch	So với kế hoạch 2025 (%)	So với ước thực hiện 2025 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%					
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý	%					
3	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	Khu					
4	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu					
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%					

BIỂU 5. CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2025		Dự kiến năm 2026		
			TH 6 tháng đầu năm 2025 (trước sắp nhập)	Ước cả năm (hợp nhất 02 giai đoạn)	Các xã, phường, đặc khu		
					Kế hoạch	So với kế hoạch 2025 (%)	So với ước thực hiện 2025 (%)
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hợp tác xã						
-	Tổng số hợp tác xã trên địa bàn	HTX					
	Trong đó:						
	Số hợp tác xã thành lập mới	HTX					
	Số hợp tác xã giải thể, sáp nhập	HTX					
-	Tổng số thành viên hợp tác xã	Người					
-	Tổng số lao động trong hợp tác xã	Người					
	Trong đó: Số lao động là thành viên hợp tác xã	Người					
-	Tổng doanh thu của hợp tác xã	Triệu đồng					
-	Thu nhập bình quân người lao động hợp tác xã	Triệu đồng					
2	Liên Hiệp HTX						
-	Tổng số liên hiệp hợp tác xã	LH HTX					
	Trong đó:						
	Số liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX thành lập mới	LH HTX					
	Số liên hiệp HTX giải thể	LH HTX					
-	Tổng số hợp tác xã thành viên của liên hiệp HTX	HTX					
-	Tổng số lao động trong liên hiệp HTX	Người					
3	Tổ hợp tác						
-	Tổng số tổ hợp tác	THT					
	Trong đó: Số tổ hợp tác đang ký chứng thực	THT					
-	Tổng số thành viên tổ hợp tác	Thành viên					